

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Viết Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Văn H, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1993 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Hoàng Văn S và bà: Phạm Thị T; có vợ: Trần Thị Y và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 01 năm 2013, thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn đảo T, Trung đoàn x, Quân khu x.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959;

2. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1959;

Đều cư trú tại: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho bà Phạm Thị R (*Theo Văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 02 năm 2021*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Bà R, chị Y có mặt; ông H, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hàng ngày, Hoàng Văn H thường đến bán lợn, ếch sớm cho ông Nguyễn Văn H nên biết vợ chồng ông Hải đi tập thể dục buổi sáng, các con của ông H đi làm xa. Khoảng hơn 04 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2020, sau khi đi soi, bắt được lợn, ếch ở ngoài đồng, H đi xe mô tô đến nhà ông H để bán cho ông H. Đến nơi, thấy cổng nhà ông H đóng và khóa, điện trong nhà sáng, gọi không thấy ông H trả lời, biết không ai ở trong nhà và biết ông H thường để tiền trong ngăn tủ kê ti vi ở phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp. H mở cốp xe lấy 01 chiếc tô vít và 01 chiếc cờ lê cho vào túi quần rồi trèo tường vào trong sân, dùng tô vít và cờ lê phá ổ khóa cửa để vào trong nhà, dùng tô vít phá ổ khóa cánh tủ bên trái của kệ để ti vi. Khi mở được cánh tủ, H thấy bên trong có một tập tiền được bọc bên ngoài bằng túi nilon màu trắng, có quần dây chun. H cầm tập tiền cho vào túi quần rồi trèo tường ra ngoài, đi xe mô tô về nhà. Trên đường đi về, để tránh bị ông H nghi ngờ, H dừng xe gọi điện thoại cho ông H và quay lại bán lợn, ếch như thường lệ. Sau khi cân, mua lợn, ếch của H, ông H nói với H về việc vừa bị kẻ gian vào nhà lấy trộm tiền. Sau đó, H về nhà và đếm số tiền lấy trộm được của ông H là 19.000.000 đồng, số tiền này H chi tiêu cá nhân hết. Một thời gian sau, lo sợ bị phát hiện H đã nói cho bà Phạm Thị T (mẹ của H) và chị Trần Thị Y (vợ của H) biết việc đã trộm cắp tiền của ông H và nhờ người thân trong gia đình đến xin lỗi, trả lại tiền cho ông H. Ngày 14 tháng 3 năm 2020 (tức ngày 21/02 âm lịch), bà T đã đến trả cho vợ chồng ông H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 11 năm 2020, ông H làm đơn trình báo Công an huyện V, cùng ngày bà T và chị Y đã trả cho vợ chồng ông H số tiền 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSVT ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Hoàng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự, tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt: Hoàng Văn H mức án tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05 tháng 02 năm 2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Bà Phạm Thị T và chị Trần Thị Y đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị R số tiền 19.000.000 đồng, ông H và bà R không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bà T và chị Y không yêu cầu bị cáo H phải trả bà T và chị Y số tiền đã bồi thường cho gia đình ông H, do đó không đặt ra giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội lao động và chăm sóc gia đình, bởi các con của bị cáo còn quá nhỏ. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn

trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị R; Biên bản làm việc lập hồi 14 giờ 05 phút ngày 10 tháng 11 năm 2020, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình lập hồi 14 giờ 45 phút ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại nhà gia đình ông Nguyễn Văn H; Biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị T, chị Trần Thị Y và các giấy biên nhận về việc bà T và chị Y bồi thường tiền cho gia đình ông H.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng hơn 04 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2020, lợi dụng việc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị R ở thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình đi tập thể dục, không ở nhà, Hoàng Văn H đã trèo tường vào trong sân, dùng tô vít và cờ lê phá khóa cửa để vào trong nhà, phá khóa tủ trộm cắp số tiền 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) của gia đình ông H. Hành vi của Hoàng Văn H đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi trộm cắp tài sản Hoàng Văn H đã thực hiện đối với gia đình ông Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại không có ở nhà, trèo tường vào nhà, phá khóa cửa và tủ để thực hiện hành vi chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Văn H số tiền 19.000.000 đồng.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Hoàng Văn H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo cũng đã tự nguyện tác động với gia đình và tích cực bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được 04 hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn H có đơn xin giảm nhẹ, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo đã có thời gian tham gia quân ngũ, có đóng góp nhất định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo với mức án như đại diện của Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp. Không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động cùng gia đình và tích cực tự nguyện bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị R số tiền 19.000.000 đồng. Ông H và bà R đã nhận đủ số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bà Phạm Thị T và chị Trần Thị Y không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bà T và chị Y đã trả cho ông H, bà R. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, không đặt ra giải quyết.

[7] Về vấn đề khác trong vụ án:

Đối với chiếc tô vít và cờ lê bị cáo dùng để phá khóa cửa, khóa tủ để trộm cắp tài sản, bị cáo khai đã làm mất nên Cơ quan điều tra không quản lý được. Vì vậy không xử lý trong bản án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 02 năm 2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hoàng Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Văn H; bà Phạm Thị R, chị Trần Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05 tháng 02 năm 2021). Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Thái Bình,
- VKS nhân dân huyện V
- Công an huyện V
- Chi cục THADS huyện V
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

